

Số: 4925 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 07 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng Trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Cần Thơ, ban hành kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-ĐHCT, ngày 15/05/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Xét thành tích học tập, rèn luyện của các sinh viên trong năm học 2024 – 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Giấy khen cho **638** sinh viên thuộc khóa 47, khóa 48, khóa 49 và khóa 50 có tên sau đây đang học tập tại Trường Đại học Cần Thơ đạt thành tích sinh viên Xuất sắc, sinh viên Giỏi năm học 2024– 2025:

(Danh sách kèm theo).

Điều 2. Tặng kèm theo Giấy khen là phần tiền thưởng trị giá **500.000 đồng/sinh viên** (Năm trăm ngàn đồng).

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Trường Đại học Cần Thơ, các Trưởng phòng: Công tác Sinh viên, Tài chính, Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, CTSV.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN KHEN THƯỞNG NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 4925 /QĐ-ĐHCT, ngày 07/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
1	B2109124	Tiêu Hồng Cẩm	27/04/2003	DA2166A1	DA	28	3.93	91.5	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
2	B2102181	Lê Nguyễn Gia Hân	10/12/2003	DA2166A2	DA	27	3.78	93.5	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
3	B2102394	Tô Thị Huyền Trân	16/03/2003	DA2166T1	DA	46	3.83	96.7	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (CTTT)	
4	B2109279	Nguyễn Thái Bảo Trân	01/07/2003	DA2166T2	DA	46	3.79	93.3	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (CTTT)	
5	B2202267	Trịnh Như Ý	15/03/2004	DA2266A1	DA	38	3.84	90.7	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
6	B2202271	Nguyễn Thị Hồng Chúc	12/03/2004	DA2266A2	DA	40	3.95	99.0	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
7	B2202318	Võ Thị Vân Anh	30/04/2004	DA2266T1	DA	43	3.89	95.7	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (CTTT)	
8	B2202365	Nguyễn Trọng Tính	18/01/2004	DA2266T2	DA	42	3.95	98.3	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (CTTT)	
9	B2300100	Lê Trần Diễm Quỳnh	23/08/2005	DA2308A1	DA	46	3.77	94.3	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
10	B2300197	Khẩu Mai Quỳnh Vy	06/03/2005	DA2308A2	DA	49	3.83	97.3	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
11	B2300246	Nguyễn Ngọc Phương Mai	29/10/2005	DA2308F1	DA	44	3.80	93.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm (CLC)	
12	B2300215	Châu Minh Duy	18/11/2005	DA2308F2	DA	48	3.51	94.3	Giỏi	Công nghệ thực phẩm (CLC)	
13	B2302492	Nguyễn Thị Huyền Trân	03/05/2005	DA2366A1	DA	47	3.87	91.3	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
14	B2302507	Nguyễn Kỳ Duyên	15/05/2004	DA2366A2	DA	43	3.88	98.7	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
15	B2302509	Dương Phát Đạt	19/11/2005	DA2366A2	DA	46	3.88	98.7	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
16	B2302588	Huỳnh Thị Trúc Mai	16/10/2005	DA2366T1	DA	46	3.94	98.7	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (CTTT)	
17	B2302582	Huỳnh Thiên Lạc	20/12/2005	DA2366T2	DA	46	3.82	100.0	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (CTTT)	
18	B2305841	Nguyễn Phụng Tiên	13/02/2005	DA23U5A1	DA	44	3.58	86.0	Giỏi	Công nghệ sau thu hoạch	
19	B2400148	Lê Trường Thịnh	01/01/2006	DA2408A1	DA	39	3.86	96.7	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
20	B2400053	Nguyễn Trúc Anh	11/04/2006	DA2408A2	DA	37	3.69	96.7	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
21	B2400282	Nguyễn Thị Huỳnh Thơ	06/10/2006	DA2408A3	DA	37	3.74	91.3	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
22	B2400292	Trần Thị Cẩm Tiên	23/08/2006	DA2408A4	DA	39	3.81	96.7	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
23	B2400401	Phan Ngọc Quý	20/08/2006	DA2408A5	DA	38	3.76	99.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
24	B2400323	Huỳnh Ngọc Bích	17/05/2006	DA2408A6	DA	38	3.72	97.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
25	B2400450	Nguyễn Ngọc Lan Anh	24/02/2006	DA2408F1	DA	43	3.71	95.7	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm (CLC)	
26	B2400522	Phạm Chí Kiệt	02/08/2006	DA2408F2	DA	42	3.64	83.0	Giỏi	Công nghệ thực phẩm (CLC)	
27	B2400530	Phạm Hoàng Gia Nghi	03/01/2006	DA2408F3	DA	42	3.79	92.3	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm (CLC)	
28	B2403169	Nguyễn Thành Đạt	31/08/2006	DA2466A1	DA	36	3.61	90.3	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
29	B2403242	Lê Thị Mỹ Duyên	27/11/2006	DA2466A2	DA	39	3.95	97.3	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
30	B2403344	Trần Thiện Nhân	25/12/2006	DA2466A3	DA	41	3.78	91.0	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
31	B2403414	Bành Gia Ngân	21/11/2006	DA2466A4	DA	39	3.91	92.7	Xuất sắc	Công nghệ sinh học	
32	B2403464	Phan Nhã Trọng Đạt	29/11/2006	DA2466T1	DA	41	3.59	83.3	Giỏi	Công nghệ sinh học (CTTT)	
33	B2403476	Bùi Như Mơ	05/06/2006	DA2466T2	DA	41	3.78	95.7	Xuất sắc	Công nghệ sinh học (CTTT)	
34	B2407889	Quách Thị Kim Đoàn	26/01/2006	DA24U5A1	DA	41	3.56	92.7	Giỏi	Công nghệ sau thu hoạch	
35	B2107377	Đặng Thị Mỹ Huyền	22/09/2003	NN2108A1	DA	29	3.97	94.7	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
36	B2100717	Phạm Kim Anh	19/02/2003	NN2108A2	DA	28	3.89	95.7	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
37	B2107455	Võ Lê An Phụng	18/10/2003	NN2108A3	DA	32	3.94	97.3	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
38	B2100766	Phạm Hồ Phương Anh	20/02/2003	NN2108F1	DA	36	3.86	96.7	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm (CLC)	
39	B2107518	Lê Anh Thơ	25/06/2003	NN2108F2	DA	36	3.69	92.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm (CLC)	
40	B2105005	Nguyễn Thị Hồng Điều	18/03/2003	NN21U5A1	DA	31	3.81	94.0	Xuất sắc	Công nghệ sau thu hoạch	
41	B2200061	Trần Hữu Duy	11/10/2004	NN2208A1	DA	49	3.89	92.0	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
42	B2200213	Đào Phương Trúc	28/02/2004	NN2208A2	DA	49	3.89	99.3	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm	
43	B2200256	Cao Thị Tâm Nhi	10/03/2004	NN2208F1	DA	46	3.73	92.3	Xuất sắc	Công nghệ thực phẩm (CLC)	
44	B2200254	Trần Thị Mỹ Ngọc	21/03/2004	NN2208F2	DA	46	3.69	89.7	Giỏi	Công nghệ thực phẩm (CLC)	
45	B2205185	Nguyễn Hoàng Kha	02/03/2004	NN22U5A1	DA	47	3.73	96.0	Xuất sắc	Công nghệ sau thu hoạch	
46	B2110012	Phạm Thị Cẩm Hồng	03/01/2003	DI2195A1	DI	42	3.96	92.0	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	
47	B2103480	Huỳnh Minh Thường	19/02/2003	DI2195A2	DI	45	3.87	100.0	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	
48	B2103489	Lê Nhật Bằng	27/06/2003	DI2196A1	DI	46	3.97	83.7	Giỏi	Kỹ thuật phần mềm	
49	B2110114	Phan Gia Bảo	20/08/2003	DI2196A2	DI	40	4.00	99.0	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
50	B2104787	Phạm Việt Thành	19/07/2003	DI21T9A1	DI	43	3.86	86.7	Giỏi	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
51	B2110976	Phạm Minh Sáng	09/11/2003	DI21T9A2	DI	40	3.95	83.0	Giỏi	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
52	B2105564	Lê Thị Ngọc Trâm	07/12/2003	DI21V7A1	DI	33	3.95	93.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
53	B2111838	Nguyễn Anh Hào	10/09/2003	DI21V7A2	DI	45	4.00	99.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
54	B2105684	Lê Anh Quân	10/10/2003	DI21V7F1	DI	38	3.80	92.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (CLC)	
55	B2105686	Kim Duy Thành	12/02/2003	DI21V7F2	DI	38	3.96	92.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (CLC)	
56	B2111933	Trương Đặng Trúc Lâm	30/01/2003	DI21V7F3	DI	43	3.79	92.7	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (CLC)	
57	B2111913	Nguyễn Phan Hồng An	25/10/2003	DI21V7F4	DI	38	3.72	85.0	Giỏi	Công nghệ thông tin (CLC)	
58	B2105567	Lưu Hoàng Thái Bảo	04/01/2003	DI21Y1A1	DI	39	3.85	96.3	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	Tin học ứng dụng
59	B2106784	Trần Vũ Bình	13/07/2003	DI21Z6A1	DI	36	3.83	91.5	Xuất sắc	Khoa học máy tính	
60	B2106834	Nguyễn Thanh Hiếu	10/06/2003	DI21Z6A2	DI	39	3.85	91.7	Xuất sắc	Khoa học máy tính	
61	B2203452	Nguyễn Anh Kiệt	14/06/2004	DI2295A1	DI	43	3.89	91.0	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
62	B2203532	Đinh Văn Thuận	03/12/2004	DI2296A1	DI	47	3.85	97.3	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
63	B2203588	Lê Lư Huyền Trân	09/06/2004	DI2296F1	DI	49	3.91	99.0	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm (CLC)	
64	B2203579	La Trí Tâm	05/10/2004	DI2296F2	DI	42	3.93	100.0	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm (CLC)	
65	B2203630	Trần Ánh Phụng	03/05/2004	DI22D1A1	DI	45	4.00	97.7	Xuất sắc	Truyền thông đa phương tiện	
66	B2203663	Tô Quốc Khánh	29/02/2004	DI22D1A2	DI	46	3.97	100.0	Xuất sắc	Truyền thông đa phương tiện	
67	B2203723	Võ Công Khanh	28/08/2004	DI22D2A1	DI	51	3.85	96.7	Xuất sắc	An toàn thông tin	
68	B2204974	Võ Thị Bảo Trân	24/01/2004	DI22T9A1	DI	41	3.96	98.0	Xuất sắc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
69	B2205912	Nguyễn Hùng Thịnh	05/07/2004	DI22V7A1	DI	47	4.00	100.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
70	B2205896	Nguyễn Minh Nhựt	06/02/2004	DI22V7F1	DI	50	3.91	90.7	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (CLC)	
71	B2206005	Huỳnh Tú Phương	10/08/2003	DI22V7F2	DI	48	3.87	96.7	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (CLC)	
72	B2207550	Trần Hải Nhân	12/11/2004	DI22Z6A1	DI	49	3.88	94.7	Xuất sắc	Khoa học máy tính	
73	B2303785	Phan Thị Huỳnh Trâm	02/04/2005	DI2395A1	DI	42	4.00	96.3	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	
74	B2303832	Trần Văn Nghĩa	01/01/2004	DI2396A1	DI	45	4.00	96.3	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
75	B2306678	Đào Công Pha	15/05/2005	DI2396F1	DI	52	3.87	98.3	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm (CLC)	
76	B2303871	Võ Nhật Huy	17/10/2005	DI2396F2	DI	44	3.61	85.0	Giỏi	Kỹ thuật phần mềm (CLC)	
77	B2303959	Trần Anh Thy	21/01/2005	DI23D1A1	DI	42	3.89	96.0	Xuất sắc	Truyền thông đa phương tiện	
78	B2303986	Lê Gia Huy	12/09/2005	DI23D1A2	DI	46	3.92	100.0	Xuất sắc	Truyền thông đa phương tiện	
79	B2304069	Trần Quang Minh	02/08/2005	DI23D2A1	DI	39	3.97	98.3	Xuất sắc	An toàn thông tin	
80	B2305618	Trần Minh Tú	30/11/2005	DI23T9A1	DI	47	3.78	90.0	Xuất sắc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
81	B2306598	Nguyễn Minh Tuấn	13/12/2005	DI23V7A1	DI	45	4.00	100.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
82	B2306680	Trần Thị Thúy Quỳnh	25/10/2005	DI23V7F1	DI	47	4.00	90.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (CLC)	
83	B2308407	Huỳnh Ngọc Phi Yên	03/01/2005	DI23Z6A1	DI	45	4.00	98.3	Xuất sắc	Khoa học máy tính	
84	B2404880	Nguyễn Tuyết Thơ	21/02/2006	DI2495A1	DI	39	3.62	98.0	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	
85	B2404909	Võ Thị Cẩm Ly	25/10/2006	DI2495A2	DI	44	3.73	92.0	Xuất sắc	Hệ thống thông tin	
86	B2404942	Đào Thị Mỹ Huyền	24/09/2006	DI2495F1	DI	43	3.62	90.7	Xuất sắc	Hệ thống thông tin (CLC)	
87	B2404965	Trần Thị Thanh Thoảng	03/05/2006	DI2495F2	DI	40	3.30	88.3	Giỏi	Hệ thống thông tin (CLC)	
88	B2405001	Thái Trường Nguyên	20/10/2006	DI2496A1	DI	45	3.89	94.0	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
89	B2405036	Lê Tuấn Khang	02/02/2006	DI2496A2	DI	43	3.82	98.3	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm	
90	B2405079	Trần Anh Khôi	08/02/2006	DI2496F1	DI	42	3.92	94.7	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm (CLC)	
91	B2405106	Lê Hoàng Anh	18/10/2006	DI2496F2	DI	47	3.80	94.3	Xuất sắc	Kỹ thuật phần mềm (CLC)	
92	B2405384	Nguyễn Hoàng Lan Anh	14/01/2006	DI24D1A1	DI	43	3.74	96.3	Xuất sắc	Truyền thông đa phương tiện	
93	B2405437	Huỳnh Trần Anh Đào	17/11/2006	DI24D1A2	DI	43	3.80	92.3	Xuất sắc	Truyền thông đa phương tiện	
94	B2405535	Lê Nguyễn Trung Tín	23/01/2006	DI24D2A1	DI	43	3.74	97.0	Xuất sắc	An toàn thông tin	
95	B2407527	Nguyễn Lê Hữu Huân	18/09/2006	DI24T9A1	DI	47	3.58	86.7	Giỏi	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
96	B2407604	Võ Trần Duy Thường	20/01/2006	DI24T9A2	DI	41	3.73	93.3	Xuất sắc	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
97	B2408830	Lê Nhã Trúc	02/01/2006	DI24V7A1	DI	42	3.90	92.7	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
98	B2408847	Lê Quân Hạo	08/12/2006	DI24V7A2	DI	41	3.85	95.7	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
99	B2408970	Phan Nguyễn Thiên Phúc	10/07/2006	DI24V7F1	DI	40	3.85	99.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (CLC)	
100	B2409019	Nguyễn Cao Trí	01/10/2006	DI24V7F2	DI	40	3.90	93.0	Xuất sắc	Công nghệ thông tin (CLC)	
101	B2410656	Trần Vũ Bằng	17/06/2006	DI24Z6A1	DI	43	3.95	92.3	Xuất sắc	Khoa học máy tính	
102	B2410741	Châu Thành Phát	04/03/2006	DI24Z6A2	DI	44	3.93	91.3	Xuất sắc	Khoa học máy tính	
103	B2111902	Dương Hữu Tính	14/08/2003	HG21V7A1	DI	33	3.86	99.5	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
104	B2205955	Trần Thanh Phúc	16/10/2004	HG22V7A1	DI	44	3.84	92.7	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
105	B2306627	Huỳnh Khánh Linh	16/07/2005	HG23V7A1	DI	47	3.70	82.3	Giỏi	Công nghệ thông tin	
106	B2408906	Nguyễn Phạm Mỹ Hằng	06/09/2006	HG24V7A1	DI	44	3.81	97.3	Xuất sắc	Công nghệ thông tin	
107	B2111385	Nguyễn Đình Phan	13/11/2003	FL21V1A1	FL	32	3.97	92.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
108	B2111417	Lê Hữu Huy	23/03/2003	FL21V1A2	FL	27	3.96	91.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
109	B2105249	Phan Hoàng Yến	20/08/2003	FL21V1F1	FL	30	3.89	96.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
110	B2113391	Huỳnh Ngọc Hải Vy	12/03/2003	FL21V1F2	FL	30	3.93	96.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
111	B2105281	Hà Lê Tú Trân	27/09/2003	FL21V1F3	FL	30	3.89	92.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
112	B2111495	Ông Đặng Trâm Anh	17/07/2003	FL21V1F4	FL	31	4.00	97.5	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
113	B2112726	Trần Thị Như Ý	12/05/2003	FL21X1A1	FL	29	4.00	94.5	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
114	B2112748	Phan Ngọc Quỳnh	14/10/2003	FL21X1A2	FL	28	4.00	83.0	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
115	B2100564	Nguyễn Ngọc Kết	11/10/2000	FL21X2A1	FL	30	3.93	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Pháp	
116	B2105140	Lê Ngọc Hồng Anh	16/10/2003	FL21Z8A1	FL	29	3.93	91.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
117	B2106891	Lê Nguyễn My	22/11/2003	FL21Z9A1	FL	30	4.00	93.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp	
118	B2205389	Lê Đức Anh	14/01/2004	FL22V1A1	FL	53	3.92	98.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
119	B2205453	Lê Huỳnh Bảo Ngân	21/04/2004	FL22V1A1	FL	48	3.92	98.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
120	B2205533	Đặng Nguyễn Phương Duyên	15/09/2004	FL22V1F1	FL	48	3.91	99.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
121	B2205566	Võ Lâm Bảo Châu	14/04/2004	FL22V1F2	FL	51	3.96	97.3	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
122	B2205618	Phạm Trúc Phương	12/01/2004	FL22V1F3	FL	49	3.91	91.7	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
123	B2206832	Lê Ngọc Hà Giang	31/03/2004	FL22X1A1	FL	41	3.91	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
124	B2206903	Nguyễn Hữu Trọng	21/12/2002	FL22X1A2	FL	49	3.97	98.3	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
125	B2206924	Lê Trí Tô	18/03/2004	FL22X2A1	FL	46	3.92	95.3	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Pháp	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
126	B2205393	Nguyễn Hà Thi Ân	05/11/2004	FL22Z8A1	FL	50	3.90	100.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
127	B2207595	Võ Lê Duy Lễ	04/10/2004	FL22Z9A1	FL	42	3.89	91.7	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp	
128	B2306124	Nguyễn Thị Ngoan	08/06/2005	FL23V1A1	FL	47	3.88	94.3	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
129	B2306239	Võ Ngọc Thủy Tiên	07/03/2005	FL23V1F1	FL	45	3.84	96.7	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
130	B2306288	Lưu Ngọc Trâm	10/04/2005	FL23V1F2	FL	44	3.90	99.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
131	B2306238	Hoàng Thị Thương	12/11/2005	FL23V1F3	FL	43	3.88	98.3	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
132	B2307536	Lê Hồng Đức	29/04/2005	FL23X1A1	FL	47	3.96	99.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
133	B2307588	Nguyễn Ngọc Pho	25/08/2005	FL23X1A2	FL	47	3.96	96.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
134	B2307613	Nguyễn Bảo Ngọc	02/03/2005	FL23X2A1	FL	44	3.98	93.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Pháp	
135	B2306144	Lê Anh Thư	09/03/2005	FL23Z8A1	FL	49	4.00	91.3	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
136	B2308445	Trương Kim Trân	09/07/2005	FL23Z9A1	FL	41	3.87	97.3	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp	
137	B2408308	Lê Phúc Gia Bảo	19/05/2006	FL24V1A1	FL	40	3.82	97.7	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
138	B2408203	Nguyễn Đăng Khoa	23/10/2006	FL24V1A2	FL	40	3.92	90.7	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
139	B2408250	Nguyễn Hoàng Bi	26/12/2006	FL24V1A3	FL	40	3.85	94.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
140	B2408431	Hoàng Trần Gia Anh	01/05/2006	FL24V1F1	FL	41	3.90	95.7	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
141	B2408495	Vũ Hải Linh	06/02/2006	FL24V1F2	FL	42	3.74	98.3	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
142	B2408473	Lưu Hoàng Minh Trúc	05/09/2006	FL24V1F3	FL	41	3.63	99.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh (CLC)	
143	B2409891	Lê Trần Thanh Ngân	25/07/2006	FL24X1A1	FL	41	3.95	94.3	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
144	B2409946	Nguyễn Ngọc Nhi	14/04/2006	FL24X1A2	FL	39	4.00	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh	
145	B2409986	Nguyễn Trần Uyên Phương	20/06/2006	FL24X2A1	FL	41	3.90	96.7	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Pháp	
146	B2408180	Võ Nguyên Tùng	10/11/2006	FL24Z8A1	FL	42	3.87	98.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh
147	B2410767	Phạm Trọng Hiếu	13/10/2006	FL24Z9A1	FL	36	3.70	80.3	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp	
148	B2410823	Châu Khánh Linh	30/11/2006	FL24Z9A2	FL	40	3.83	98.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp	
149	B2205488	Võ Lê Thành Đạt	06/06/2004	HG22V1A1	FL	49	3.85	93.3	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
150	B2306176	Nguyễn Thuận Phát	16/02/2005	HG23V1A1	FL	48	3.67	98.0	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	
151	B2408415	Nguyễn Hoàng Minh Thư	24/11/2006	HG24V1A1	FL	39	3.71	84.0	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
152	B2105073	Nguyễn Mỹ Á	02/09/2003	HG21U7A1	HG	28	3.70	83.0	Giỏi	Kinh doanh nông nghiệp	
153	B2205268	Lê Dương Ngọc Trân	09/10/2004	HG22U7A1	HG	40	3.50	86.3	Giỏi	Kinh doanh nông nghiệp	
154	B2205280	Đặng Thị Kim Duyên	20/10/2004	HG22U7A2	HG	48	3.56	87.7	Giỏi	Kinh doanh nông nghiệp	
155	B2305874	Đinh Thị Mỹ Huyền	02/12/2005	HG23U7A1	HG	52	3.78	85.0	Giỏi	Kinh doanh nông nghiệp	
156	B2305967	Nguyễn Hữu Thoại	20/02/2005	HG23U7A2	HG	49	3.51	91.7	Giỏi	Kinh doanh nông nghiệp	
157	B2407938	Trần Xuân Diệu	07/10/2006	HG24U7A1	HG	37	3.50	84.3	Giỏi	Kinh doanh nông nghiệp	
158	B2408023	Đặng Kim Ngân	24/04/2006	HG24U7A2	HG	37	3.50	84.7	Giỏi	Kinh doanh nông nghiệp	
159	B2109409	Lê Thành Hiệp	19/06/2003	KH2169A1	KH	29	3.97	94.5	Xuất sắc	Hóa học	
160	B2103235	Bạch Ngô Ngọc Giàu	06/08/2003	KH2189A1	KH	36	3.76	84.5	Giỏi	Toán ứng dụng	
161	B2109981	Nguyễn Trần Thảo Quyên	01/01/2003	KH2194A1	KH	32	3.80	93.5	Xuất sắc	Sinh học	
162	B2110364	Huỳnh Nhựt Linh	13/12/2003	KH21T3A1	KH	27	3.87	91.0	Xuất sắc	Hóa dược	
163	B2110422	Võ Kế Truyền	02/08/2003	KH21T3A2	KH	31	3.85	80.7	Giỏi	Hóa dược	
164	B2111026	Nguyễn Lê Thanh Thảo	24/12/2003	KH21U1A1	KH	31	3.92	95.5	Xuất sắc	Vật lý kỹ thuật	
165	B2202552	Tăng Bảo Phúc	15/06/2004	KH2269A1	KH	47	3.98	95.7	Xuất sắc	Hóa học	
166	B2202604	Nguyễn Cẩm Tiên	08/03/2004	KH2269A2	KH	43	3.52	83.3	Giỏi	Hóa học	
167	B2203212	Nguyễn Hữu Giang	06/03/2003	KH2289A1	KH	48	3.97	100.0	Xuất sắc	Toán ứng dụng	
168	B2203279	Hoàng Minh Thành	18/10/2004	KH2289A2	KH	51	3.91	94.3	Xuất sắc	Toán ứng dụng	
169	B2203381	Đỗ Thị Ngọc Diễm	23/11/2004	KH2294A1	KH	43	3.78	92.0	Xuất sắc	Sinh học	
170	B2203768	Nguyễn Thị Thanh Ngân	19/12/2004	KH22D3A1	KH	48	3.83	97.0	Xuất sắc	Thống kê	
171	B2203851	Phạm Như Ý	25/10/2004	KH22D3A2	KH	50	3.87	94.7	Xuất sắc	Thống kê	
172	B2204329	Châu Thái Vinh	02/01/2004	KH22T3A1	KH	44	3.91	99.0	Xuất sắc	Hóa dược	
173	B2204360	Trần Thiện Phước	29/10/2004	KH22T3A2	KH	45	3.98	95.3	Xuất sắc	Hóa dược	
174	B2205025	Lê Trần Ngọc Trâm	04/04/2004	KH22U1A1	KH	43	3.90	91.0	Xuất sắc	Vật lý kỹ thuật	
175	B2302768	Đặng Vũ Khang	20/11/2005	KH2369A1	KH	43	3.44	96.7	Giỏi	Hóa học	
176	B2302797	Nguyễn Ngọc Lan Anh	09/07/2005	KH2369A2	KH	54	3.38	96.3	Giỏi	Hóa học	
177	B2303537	Nguyễn Phước Nhân	05/09/2005	KH2389A1	KH	47	3.97	93.0	Xuất sắc	Toán ứng dụng	
178	B2303579	Võ Giang Nam	20/07/2005	KH2389A2	KH	50	3.91	93.3	Xuất sắc	Toán ứng dụng	
179	B2303724	Đặng Ngọc Trai	08/05/2005	KH2394A1	KH	44	3.93	98.0	Xuất sắc	Sinh học	
180	B2304105	Trần Hồ Bảo Hân	25/03/2005	KH23D3A1	KH	47	3.88	98.0	Xuất sắc	Thống kê	
181	B2302187	Nguyễn Hứa Thiện Tâm	24/10/2005	KH23D3A2	KH	40	3.84	91.3	Xuất sắc	Thống kê	
182	B2304967	Nguyễn Thành Phúc	27/01/2005	KH23T3A1	KH	44	3.95	96.7	Xuất sắc	Hóa dược	
183	B2304992	Lâm Xuân Bách	26/09/2005	KH23T3A2	KH	42	3.98	97.3	Xuất sắc	Hóa dược	
184	B2305641	Phan Thị Chúc Lo	16/03/2005	KH23U1A1	KH	41	3.79	97.0	Xuất sắc	Vật lý kỹ thuật	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
185	B2403768	Danh Bình Nhưõng	30/07/2006	KH2469A1	KH	38	3.84	98.0	Xuất sắc	Hóa học	
186	B2403820	Phạm Thị Ngọc Mai	13/10/2006	KH2469A2	KH	39	3.84	97.0	Xuất sắc	Hóa học	
187	B2404590	Lê Lan Đài	12/09/2006	KH2489A1	KH	37	3.80	90.7	Xuất sắc	Toán ứng dụng	
188	B2404667	Hồ Thiện Minh Tân	02/09/2005	KH2489A2	KH	40	3.74	98.0	Xuất sắc	Toán ứng dụng	
189	B2404773	Nguyễn Thị Loan Em	09/02/2006	KH2494A1	KH	38	3.64	95.3	Xuất sắc	Sinh học	
190	B2404847	Thái Bình Phương Uyên	27/10/2006	KH2494A2	KH	39	3.57	94.0	Giỏi	Sinh học	
191	B2405567	Nguyễn Đặng Huỳnh Lâm	09/03/2006	KH24D3A1	KH	37	3.57	96.3	Giỏi	Thống kê	
192	B2405613	Lê Thị Diệu Hiền	30/08/2006	KH24D3A2	KH	37	3.65	89.0	Giỏi	Thống kê	
193	B2406777	Nguyễn Thanh Thúy Ngân	26/08/2006	KH24T3A1	KH	37	3.82	93.7	Xuất sắc	Hóa dược	
194	B2406841	Lê Ngọc Thiên Thảo	08/09/2006	KH24T3A2	KH	38	3.88	92.0	Xuất sắc	Hóa dược	
195	B2407666	Ngô Bùi Kiều Ngọc Như Ý	06/03/2006	KH24U1A1	KH	40	3.78	98.0	Xuất sắc	Vật lý kỹ thuật	
196	B2407685	Phạm Xuân May	18/01/2006	KH24U1A2	KH	41	3.41	86.0	Giỏi	Vật lý kỹ thuật	
197	B2201105	Àu Thị Nhu Mỹ	30/10/2004	HG2222A1	KT	50	3.71	97.3	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
198	B2201369	Võ Văn Chế Linh	14/11/2004	HG2223A1	KT	51	3.75	99.3	Xuất sắc	Kinh tế nông nghiệp	
199	B2301243	Nguyễn Thị Dàng	07/05/2003	HG2322A1	KT	49	3.87	94.3	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
200	B2301591	Nguyễn Thành Tài	21/03/2005	HG2323A1	KT	46	3.52	89.0	Giỏi	Kinh tế nông nghiệp	
201	B2301558	Nguyễn Xuân Huy	07/02/2005	HG2323A2	KT	52	3.29	84.3	Giỏi	Kinh tế nông nghiệp	
202	B2401727	Lê Thị Vân Anh	25/12/2006	HG2422A1	KT	41	3.57	86.0	Giỏi	Quản trị kinh doanh	
203	B2402108	Nguyễn Tuấn Duy	16/06/2006	HG2423A2	KT	43	3.42	88.3	Giỏi	Kinh tế nông nghiệp	
204	B2108112	Phan Thị Huỳnh Như	13/07/2003	KT2120A1	KT	30	3.53	85.5	Giỏi	Kế toán	
205	B2108150	Lê Thành Long	09/02/2003	KT2121A1	KT	65	3.79	90.7	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng	
206	B2108235	Châu Bội Trân	24/09/2003	KT2121F1	KT	45	3.96	97.7	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (CLC)	
207	B2108193	Nguyễn Viết Văn Khoa	19/05/2003	KT2121F2	KT	47	3.86	96.7	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (CLC)	
208	B2105988	Nguyễn Minh Thư	18/12/2003	KT21W4F1	KT	44	3.86	91.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (CLC)	
209	B2105977	Trần Lê Bảo Ngọc	14/07/2003	KT21W4F2	KT	47	3.98	100.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (CLC)	
210	B2106026	Nguyễn Ngọc Trí	20/11/2003	KT21W4F3	KT	42	3.92	93.3	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (CLC)	
211	B2112408	Nguyễn Thị Thu Uyên	16/01/2003	KT21W4F4	KT	47	3.72	91.3	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (CLC)	
212	B2200814	Nguyễn Thị Thùy Trang	08/02/2004	KT2220A1	KT	41	3.93	96.7	Xuất sắc	Kế toán	
213	B2200873	Phạm Nguyễn Thành Phát	23/12/2004	KT2221A1	KT	45	3.84	97.0	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng	
214	B2200903	Đoàn Nguyễn Thiên Ân	22/12/2003	KT2221F1	KT	49	3.85	98.3	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (CLC)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
215	B2200979	Nguyễn Kim Trọng	18/10/2004	KT2221F2	KT	52	3.90	96.0	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (CLC)	
216	B2201025	Lê Bảo Tín	23/02/2004	KT2222A1	KT	41	4.00	97.7	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
217	B2201058	Nguyễn Kim Ngân	05/04/2004	KT2222A2	KT	38	3.89	95.3	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
218	B2201148	Lê Nguyễn Hiếu Nhân	24/07/2004	KT2222F1	KT	44	3.85	90.3	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh (CLC)	
219	B2201199	Nguyễn Đăng Quang	08/03/2004	KT2222F2	KT	46	3.58	89.7	Giỏi	Quản trị kinh doanh (CLC)	
220	B2201282	Trần Tú Uyên	03/03/2003	KT2223A1	KT	40	3.83	94.0	Xuất sắc	Kinh tế nông nghiệp	
221	B2201318	Phạm Quốc Minh	18/03/2004	KT2223A2	KT	51	3.89	92.0	Xuất sắc	Kinh tế nông nghiệp	
222	B2201932	Lê Khả Hân	01/08/2004	KT2245A1	KT	39	3.90	92.7	Xuất sắc	Marketing	
223	B2203333	Ngô Tường Vy	26/05/2004	KT2290A1	KT	50	3.61	84.7	Giỏi	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
224	B2203336	Nguyễn Thảo An	19/02/2004	KT2290A2	KT	45	3.65	90.7	Xuất sắc	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
225	B2205693	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	02/04/2004	KT22V5A1	KT	46	3.81	94.7	Xuất sắc	Kiểm toán	
226	B2206136	Huỳnh Thị Ngọc Chăm	18/10/2004	KT22W1A1	KT	40	3.71	97.0	Xuất sắc	Kinh tế	
227	B2206211	Huỳnh Thị Huyền Trân	15/03/2004	KT22W1A2	KT	44	3.80	99.3	Xuất sắc	Kinh tế	
228	B2206237	Nguyễn Hoài Nhơn	05/11/2004	KT22W2A1	KT	37	3.96	92.7	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
229	B2206281	Phan Đăng Minh Thư	17/12/2004	KT22W2A2	KT	37	3.96	94.0	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
230	B2206355	Phạm Huỳnh Như Ý	28/10/2004	KT22W2F1	KT	41	3.98	91.0	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (CLC)	
231	B2206369	Trần Tấn Lộc	20/12/2004	KT22W3A1	KT	40	3.93	92.7	Xuất sắc	Kinh doanh thương mại	
232	B2206406	Võ Thị Thu Hương	01/01/2004	KT22W3A2	KT	42	3.73	100.0	Xuất sắc	Kinh doanh thương mại	
233	B2206471	Phan Lâm Ngọc Thùy	26/10/2004	KT22W4A1	KT	47	3.97	97.7	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
234	B2206517	Sầm Phong Yến	20/04/2004	KT22W4A2	KT	45	3.83	98.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
235	B2206553	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	31/05/2004	KT22W4F1	KT	44	3.91	98.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (CLC)	
236	B2206568	Nguyễn Thị Hương Giang	01/09/2004	KT22W4F2	KT	45	3.86	100.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (CLC)	
237	B2300985	Nguyễn Thị Hải Yến	05/08/2005	KT2320A1	KT	48	3.91	96.7	Xuất sắc	Kế toán	
238	B2300996	Trần Nguyễn Khánh Duy	12/09/2005	KT2321A1	KT	44	3.94	93.0	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng	
239	B2301079	Trần Minh Nhật	08/08/2005	KT2321F1	KT	51	3.83	98.7	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (CLC)	
240	B2301104	Ngô Thanh Hương	24/06/2005	KT2321F2	KT	51	3.68	96.0	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (CLC)	
241	B2301169	Nguyễn Hữu Tạo	16/10/2005	KT2322A1	KT	47	3.88	98.3	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
242	B2301196	Võ Quốc Hào	08/05/2005	KT2322A2	KT	47	3.88	92.0	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
243	B2301331	Phan Thị Phi Yến	12/11/2005	KT2322F1	KT	52	3.61	89.3	Giỏi	Quản trị kinh doanh (CLC)	
244	B2301375	Lê Ngọc Thanh Tuyền	26/03/2005	KT2322F2	KT	50	3.77	99.3	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh (CLC)	
245	C2300069	Trần Thị Thanh Tuyền	17/11/2002	KT2322L1	KT	38	3.51	80.3	Giỏi	Quản trị kinh doanh	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
246	B2301394	Võ Thị Trúc Giang	02/05/2005	KT2323A1	KT	48	3.70	92.0	Xuất sắc	Kinh tế nông nghiệp	
247	B2301454	Nguyễn Kiều Trâm Anh	05/06/2005	KT2323A2	KT	47	3.74	90.3	Xuất sắc	Kinh tế nông nghiệp	
248	B2302161	Phạm Thị Cẩm Hương	30/10/2005	KT2345A1	KT	43	4.00	97.3	Xuất sắc	Marketing	
249	B2303639	Trần Ngọc Tú	18/05/2005	KT2390A1	KT	42	3.46	87.7	Giỏi	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
250	B2303665	Đỗ Thị Ý Nhi	20/07/2005	KT2390A2	KT	46	3.94	95.0	Xuất sắc	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
251	B2306314	Trần Khánh Linh	25/03/2005	KT23V5A1	KT	45	3.89	94.7	Xuất sắc	Kiểm toán	
252	B2306826	Nguyễn Thị Kiều Nga	23/06/2005	KT23W1A1	KT	47	3.82	100.0	Xuất sắc	Kinh tế	
253	B2306872	Nguyễn Trần Phúc Nguyên	28/10/2005	KT23W1A2	KT	46	3.84	98.0	Xuất sắc	Kinh tế	
254	B2306900	Trương Kim Hoa	25/11/2005	KT23W2A1	KT	47	3.68	96.3	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
255	B2306936	Bùi Nguyễn Ngọc Anh	25/03/2005	KT23W2A2	KT	45	3.81	95.3	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
256	B2307005	Phan Thị Mỹ Như	23/08/2005	KT23W2F1	KT	45	3.93	98.3	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (CLC)	
257	B2307045	Chiêm Bảo Ngân	16/03/2005	KT23W3A1	KT	50	3.85	95.3	Xuất sắc	Kinh doanh thương mại	
258	B2307081	Nguyễn Thị Bích Duyên	18/01/2005	KT23W3A2	KT	49	3.91	99.0	Xuất sắc	Kinh doanh thương mại	
259	B2307137	Lê Thị Mân	15/06/2005	KT23W4A1	KT	49	3.79	98.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
260	B2307180	Võ Tấn Lộc	11/09/2005	KT23W4A2	KT	45	3.93	100.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
261	B2307224	Nguyễn Ngọc Ngân	27/11/2005	KT23W4F1	KT	56	3.89	98.3	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (CLC)	
262	B2307263	Nguyễn Minh Long	16/03/2005	KT23W4F2	KT	58	4.00	97.7	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (CLC)	
263	B2401298	Lê Trần Bảo Tuyền	17/03/2006	KT2420A1	KT	44	3.76	98.3	Xuất sắc	Kế toán	
264	B2401328	Lê Kim Hương	10/01/2006	KT2420A2	KT	44	3.71	99.0	Xuất sắc	Kế toán	
265	B2401284	Nguyễn Thị Diễm Thúy	08/12/2006	KT2420A3	KT	44	3.79	91.3	Xuất sắc	Kế toán	
266	B2401410	Nguyễn Thiên Hương	29/05/2006	KT2421A1	KT	40	3.81	95.7	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng	
267	B2401478	Lê Phong Nhã	12/06/2006	KT2421A2	KT	40	3.89	91.3	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng	
268	B2401543	Nguyễn Quế Trân	22/11/2006	KT2421F1	KT	43	3.73	97.3	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng (CLC)	
269	B2401592	Nguyễn Thúy Quỳnh	22/06/2006	KT2422A1	KT	39	3.81	86.0	Giỏi	Quản trị kinh doanh	
270	B2401649	Trần Lê Phương Uyên	22/09/2006	KT2422A2	KT	39	3.72	92.0	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
271	B2401684	Huỳnh Thị Nhựt Huyền	23/11/2006	KT2422A3	KT	41	3.89	90.7	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh	
272	B2401814	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	25/09/2006	KT2422F1	KT	40	3.86	96.3	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh (CLC)	
273	B2401867	Trần Thị Diệu Nhi	21/11/2006	KT2422F2	KT	40	3.68	82.0	Giỏi	Quản trị kinh doanh (CLC)	
274	B2401971	Trương Đình Trí	27/02/2006	KT2423A1	KT	40	3.58	96.0	Giỏi	Kinh tế nông nghiệp	
275	B2401993	Võ Thị Vân Anh	20/11/2006	KT2423A2	KT	40	3.87	93.7	Xuất sắc	Kinh tế nông nghiệp	
276	B2402766	Lê Huỳnh Như Anh	24/05/2006	KT2445A1	KT	43	3.87	98.0	Xuất sắc	Marketing	
277	B2402846	Trần Thị Ngọc Kim	11/09/2006	KT2445A2	KT	42	3.89	100.0	Xuất sắc	Marketing	
278	B2404684	Trần Khánh Duy	15/06/2006	KT2490A1	KT	40	3.53	96.0	Giỏi	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
279	B2404727	Nguyễn Ngọc Ánh	03/01/2006	KT2490A2	KT	38	3.79	89.3	Giỏi	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
280	B2408561	Huỳnh Ngọc Hoài Trân	23/11/2006	KT24V5A1	KT	43	3.88	97.7	Xuất sắc	Kiểm toán	
281	B2408590	Trần Hồng Nhung	09/07/2006	KT24V5A2	KT	43	3.83	98.7	Xuất sắc	Kiểm toán	
282	B2409205	Phan Tấn Đạt	04/12/2006	KT24W1A1	KT	45	3.83	97.3	Xuất sắc	Kinh tế	
283	B2409285	Võ Nhật Thịnh	28/06/2006	KT24W1A2	KT	42	3.62	90.0	Xuất sắc	Kinh tế	
284	B2409331	Nguyễn Thanh Thảo	25/04/2006	KT24W2A1	KT	43	3.62	89.3	Giỏi	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
285	B2409363	Huỳnh Giao	17/06/2006	KT24W2A2	KT	42	3.76	99.0	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
286	B2409457	Trần Thanh Trúc	20/05/2006	KT24W2F1	KT	40	3.65	94.7	Xuất sắc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (CLC)	
287	B2409479	Trần Thị Thảo Mi	02/10/2006	KT24W3A1	KT	40	3.95	96.7	Xuất sắc	Kinh doanh thương mại	
288	B2409531	Dương Thị Cẩm Hường	27/06/2006	KT24W3A2	KT	40	3.74	94.3	Xuất sắc	Kinh doanh thương mại	
289	B2409597	Trần Đăng Khoa	16/08/2006	KT24W4A1	KT	43	3.95	97.3	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
290	B2409679	Lê Yến Ngọc	19/09/2006	KT24W4A2	KT	41	3.62	92.0	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
291	B2409671	Lê Vũ Luân	27/02/2006	KT24W4A3	KT	43	3.74	94.7	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế	
292	B2409744	Nguyễn Châu Nhật Quang	19/01/2006	KT24W4F1	KT	40	3.62	94.7	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (CLC)	
293	B2409775	Hồ Ngọc Minh	18/11/2006	KT24W4F2	KT	37	3.91	92.7	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (CLC)	
294	B2409783	Nguyễn Phan Bảo Nhi	31/03/2006	KT24W4F3	KT	39	3.92	97.3	Xuất sắc	Kinh doanh quốc tế (CLC)	
295	B2201785	Trần Thị Thu Hiền	29/11/2004	HG2263A1	LK	43	3.69	92.3	Xuất sắc	Luật	Luật hành chính
296	B2301985	Lê Thảo Nguyên	19/07/2005	HG2363A1	LK	50	3.64	92.3	Xuất sắc	Luật	Luật hành chính
297	B2301978	Nguyễn Thị Diễm My	22/08/2005	HG2363A2	LK	50	3.50	89.7	Giỏi	Luật	Luật hành chính
298	B2403097	Nguyễn Thanh Cẩm Tiên	28/03/2006	HG2463A1	LK	42	3.44	96.0	Giỏi	Luật	Luật hành chính
299	B2403108	Nguyễn Thị Hồng Cúc	23/01/2006	HG2463A2	LK	38	3.46	93.0	Giỏi	Luật	Luật hành chính
300	B2108661	Lâm Tú Trân	20/12/2003	LK2163A1	LK	27	3.63	95.5	Xuất sắc	Luật	Luật hành chính
301	B2108559	Mai Thị Kim Ngân	04/08/2003	LK2164A1	LK	27	3.48	89.5	Giỏi	Luật	Luật thương mại

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
302	B2108680	Huỳnh Minh Duy	03/03/2002	LK2164A2	LK	45	3.86	91.3	Xuất sắc	Luật	Luật thương mại
303	B2108570	Trần Võ Kiều Oanh	02/09/2003	LK2165A1	LK	30	3.67	97.5	Xuất sắc	Luật	Luật tư pháp
304	B2201649	Trần Huỳnh Phúc Khang	21/03/2004	LK2263A1	LK	51	3.75	94.0	Xuất sắc	Luật	Luật hành chính
305	B2201686	Trần Gia Nhật Tiền	03/05/2003	LK2264A1	LK	48	3.91	92.3	Xuất sắc	Luật	Luật thương mại
306	B2201704	Ông Bảo Ngọc Trân Châu	11/01/2004	LK2265A1	LK	40	3.83	100.0	Xuất sắc	Luật	Luật tư pháp
307	B2301799	Mai Thị Kim Ngân	28/06/2005	LK2363A1	LK	46	3.81	95.3	Xuất sắc	Luật	Luật hành chính
308	B2301836	Nguyễn Thành Chí	21/08/2005	LK2363A2	LK	46	3.65	89.0	Giỏi	Luật	Luật hành chính
309	B2301790	Dư Thị Mỹ Hương	10/02/2005	LK2365A1	LK	53	3.80	90.3	Xuất sắc	Luật	Luật tư pháp
310	B2301916	Lê Khánh Ngọc	14/02/2005	LK2365A2	LK	52	3.83	96.0	Xuất sắc	Luật	Luật tư pháp
311	B2304866	Dương Minh Tú	17/09/2005	LK23S9A1	LK	46	3.64	93.3	Xuất sắc	Luật kinh tế	
312	B2304801	Trần Mỹ Dung	12/03/2005	LK23S9A2	LK	43	3.72	96.3	Xuất sắc	Luật kinh tế	
313	B2402592	Lê Thị Huyền Trân	27/05/2003	LK2463A1	LK	41	3.68	97.3	Xuất sắc	Luật	Luật hành chính
314	B2402487	Đoàn Khả My	15/08/2006	LK2463A2	LK	43	3.69	94.7	Xuất sắc	Luật	Luật hành chính
315	B2402577	Cao Văn Tấn Phát	16/01/2006	LK2465A1	LK	41	3.71	93.3	Xuất sắc	Luật	Luật tư pháp
316	B2402633	Dương Tuấn Khang	20/06/2006	LK2465A2	LK	42	3.70	96.0	Xuất sắc	Luật	Luật tư pháp
317	B2406538	Nguyễn Văn Linh	10/04/2006	LK24S9A1	LK	45	3.82	96.3	Xuất sắc	Luật kinh tế	
318	B2406648	Trần Nguyễn Khánh Vy	30/04/2006	LK24S9A2	LK	43	3.81	99.0	Xuất sắc	Luật kinh tế	
319	B2101497	Nguyễn Hồng Phúc	24/05/2002	MT2125A1	MT	27	3.91	95.0	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
320	B2101543	Võ Minh Thái	18/07/2003	MT2125A2	MT	36	3.94	95.0	Xuất sắc	Quản lý đất đai	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
321	B2101757	Huỳnh Đình Tâm	25/03/2002	MT2138A1	MT	32	3.81	91.0	Xuất sắc	Khoa học môi trường	
322	B2108842	Chế Thu Huyền	29/04/2003	MT2138A2	MT	29	3.97	91.7	Xuất sắc	Khoa học môi trường	
323	B2101962	Trần Phước Hậu	06/07/2003	MT2157A1	MT	28	3.75	83.5	Giỏi	Kỹ thuật môi trường	
324	B2112979	Nguyễn Thảo An	01/01/2003	MT21X7A1	MT	35	4.00	96.5	Xuất sắc	Quản lý tài nguyên và môi trường	
325	B2201462	Đặng Phước Thảo	13/01/2004	MT2225A1	MT	43	3.98	94.0	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
326	B2201543	Nguyễn Cẩm Tiên	20/09/2004	MT2225A2	MT	47	3.86	95.0	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
327	B2201862	Trần Thị Mỹ Trân	16/01/2004	MT2238A1	MT	52	3.65	92.7	Xuất sắc	Khoa học môi trường	
328	B2201905	Trần Lê Bảo Tín	01/10/2004	MT2238A2	MT	46	3.67	92.7	Xuất sắc	Khoa học môi trường	
329	B2202157	Quách Hữu Đang	23/07/2004	MT2257A1	MT	53	3.59	82.0	Giỏi	Kỹ thuật môi trường	
330	B2203871	Lê Thị Kim Mai	01/04/2004	MT22D4A1	MT	44	3.93	94.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cấp thoát nước	
331	B2207115	Diệp Hiếu Huy	13/03/2004	MT22X7A1	MT	44	3.91	100.0	Xuất sắc	Quản lý tài nguyên và môi trường	
332	B2207155	Bùi Thị Bảo Anh	20/06/2004	MT22X7A2	MT	44	3.85	96.3	Xuất sắc	Quản lý tài nguyên và môi trường	
333	B2301685	Nguyễn Thị Hồng Trúc	31/01/2005	MT2325A1	MT	51	3.86	97.0	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
334	B2301714	Phạm Thúy Huyền	05/06/2005	MT2325A2	MT	52	3.72	94.7	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
335	B2302075	Bùi Kim Thành	09/07/2005	MT2338A1	MT	55	3.53	94.0	Giỏi	Khoa học môi trường	
336	B2302097	Trần Nguyễn Thanh Duy	23/04/2005	MT2338A2	MT	49	3.51	86.3	Giỏi	Khoa học môi trường	
337	B2302427	Nguyễn Ngọc Đoàn Trinh	11/09/2005	MT2357A1	MT	48	3.79	97.7	Xuất sắc	Kỹ thuật môi trường	
338	B2304249	Lâm Trọng Tiến	16/09/2005	MT23D4A1	MT	42	3.23	86.7	Giỏi	Kỹ thuật cấp thoát nước	
339	B2304768	Nguyễn Tổ Như	26/01/2005	MT23S8A1	MT	45	3.62	88.3	Giỏi	Quy hoạch vùng và đô thị	
340	B2307818	Lê Dương Thúy Hân	01/05/2004	MT23X7A1	MT	52	3.69	96.7	Xuất sắc	Quản lý tài nguyên và môi trường	
341	B2307923	Lê Thị Thu Thảo	15/09/2005	MT23X7A2	MT	49	3.79	96.3	Xuất sắc	Quản lý tài nguyên và môi trường	
342	B2402257	Huỳnh Nhật Hào	24/04/2006	MT2425A1	MT	43	3.60	94.3	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
343	B2402311	Võ Đức Anh	25/06/2006	MT2425A2	MT	44	3.66	92.3	Xuất sắc	Quản lý đất đai	
344	B2402722	Cao Phạm Thanh Trúc	17/03/2006	MT2438A1	MT	44	3.63	84.3	Giỏi	Khoa học môi trường	
345	B2402747	Nguyễn Tuyết Ngân	26/05/2006	MT2438A2	MT	42	3.38	90.0	Giỏi	Khoa học môi trường	
346	B2403046	Trương Mỹ Trân	11/04/2006	MT2457A1	MT	39	3.63	84.7	Giỏi	Kỹ thuật môi trường	
347	B2405653	Nguyễn Kim Hoàng Anh	28/07/2006	MT24D4A1	MT	41	3.65	87.7	Giỏi	Kỹ thuật cấp thoát nước	
348	B2406431	Lương Nhật Ánh	09/05/2006	MT24S8A1	MT	40	3.75	80.7	Giỏi	Quy hoạch vùng và đô thị	
349	B2410223	Trương Nhứt Phi	05/12/2006	MT24X7A1	MT	39	3.54	82.7	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường	
350	B2410270	Phan Thị Mỹ Huyền	23/03/2006	MT24X7A2	MT	39	3.53	90.0	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường	
351	B2108055	Liêu Trần Dạ Linh	21/09/2003	NN2119A1	NN	33	3.79	92.5	Xuất sắc	Nông học	
352	B2109322	Võ Phúc Huỳnh Ngân	30/01/2003	NN2167A1	NN	38	3.97	81.3	Giỏi	Thú y	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
353	B2109382	Lưu Minh Quân	21/01/2003	NN2167A2	NN	40	3.93	97.0	Xuất sắc	Thú y	
354	B2102693	Nguyễn Thị Kiều Thu	26/08/2003	NN2173A1	NN	32	3.88	80.5	Giỏi	Bảo vệ thực vật	
355	B2109557	Phùng Minh Long	09/10/2003	NN2173A2	NN	30	3.83	86.5	Giỏi	Bảo vệ thực vật	
356	B2109265	Bùi Thanh Sơn	17/11/2003	NN21S1A2	NN	35	3.84	97.0	Xuất sắc	Chăn nuôi	
357	B2113117	Trần Kiến Nguyên	06/03/2003	NN21S6A1	NN	34	3.88	93.0	Xuất sắc	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
358	B2105729	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	23/05/2003	NN21V8A1	NN	28	3.64	96.0	Xuất sắc	Sinh học ứng dụng	
359	B2200712	Trần Ngọc Yến Phương	02/07/2004	NN2219A1	NN	44	3.86	93.0	Xuất sắc	Nông học	
360	B2200729	Phạm Trần Ngọc Giàu	29/10/2004	NN2219A2	NN	44	3.89	99.3	Xuất sắc	Nông học	
361	B2202426	Nguyễn Chí Tài	16/05/2004	NN2267A1	NN	41	3.98	98.3	Xuất sắc	Thú y	
362	B2202492	Trương Thị Cẩm Nhung	20/10/2004	NN2267A2	NN	48	3.96	100.0	Xuất sắc	Thú y	
363	B2202758	Phạm Thị Bảo Xuyên	09/08/2004	NN2273A1	NN	53	3.74	96.0	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
364	B2202784	Nguyễn Ngọc Nhi	29/03/2004	NN2273A2	NN	52	3.72	94.3	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
365	B2203982	Dương Ngọc Hân	18/05/2004	NN22S1A1	NN	53	3.96	100.0	Xuất sắc	Chăn nuôi	
366	B2204049	Ngô Anh Thu	30/08/2004	NN22S1A2	NN	50	3.94	97.7	Xuất sắc	Chăn nuôi	
367	B2202636	Huỳnh Xuân Mai	17/10/2004	NN22S4A1	NN	48	3.84	90.7	Xuất sắc	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
368	B2202686	Dương Huỳnh Mẫn Nghi	29/05/2004	NN22S4A2	NN	46	3.60	95.0	Xuất sắc	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
369	B2207245	Phạm Thị Bích Trân	21/12/2004	NN22S6A1	NN	53	3.78	98.7	Xuất sắc	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
370	B2206036	Trần Văn Đô	13/08/2004	NN22V8A1	NN	39	3.70	97.7	Xuất sắc	Sinh học ứng dụng	
371	B2207214	Biên Thị Huỳnh Giao	26/09/2004	NN22X8A1	NN	50	3.86	90.3	Xuất sắc	Khoa học cây trồng	
372	B2207319	Nguyễn Thanh Nhân	07/07/2004	NN22X9A1	NN	44	3.64	91.3	Xuất sắc	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
373	B2207358	Huỳnh Thị Ngọc Nữ	28/05/2004	NN22X9A2	NN	42	3.60	88.7	Giỏi	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
374	B2300806	Nguyễn Phước Điền	05/02/2005	NN2319A1	NN	46	3.55	91.0	Giỏi	Nông học	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
375	B2300876	Lê Anh Khôi	17/05/2005	NN2319A2	NN	48	3.65	93.3	Xuất sắc	Nông học	
376	B2302693	Xa Ngọc Như Ý	14/09/2004	NN2367A1	NN	44	3.95	96.3	Xuất sắc	Thú y	
377	B2302704	Nguyễn Trí Đạt	04/02/2005	NN2367A2	NN	46	3.96	100.0	Xuất sắc	Thú y	
378	B2302930	Trần Thành Lý	12/07/2005	NN2373A1	NN	46	3.75	98.7	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
379	B2302998	Phạm Minh Mẫn	02/05/2005	NN2373A2	NN	49	3.96	96.0	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
380	B2303103	Trịnh Trương Vỹ	12/03/2004	NN2373A3	NN	46	3.90	93.7	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
381	B2304426	Nguyễn Công Trứ	02/07/2003	NN23S1A1	NN	56	3.69	90.0	Xuất sắc	Chăn nuôi	
382	B2304434	Ngô Tùng Diệp	16/02/2005	NN23S1A2	NN	48	3.70	99.3	Xuất sắc	Chăn nuôi	
383	B2302861	Võ Bình Nam	28/05/2005	NN23S4A1	NN	47	3.32	88.7	Giỏi	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
384	B2307966	Lê Đức Hưng	21/04/2005	NN23S6A1	NN	45	3.89	100.0	Xuất sắc	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
385	B2306721	Lê Thị My	02/10/2005	NN23V8A1	NN	48	3.79	95.0	Xuất sắc	Sinh học ứng dụng	
386	B2307997	Trần Thị Ngọc Thiện	20/08/2005	NN23X8A1	NN	49	3.94	99.0	Xuất sắc	Khoa học cây trồng	
387	B2308110	Trương Thị Kiều Oanh	02/01/2005	NN23X9A1	NN	50	3.60	100.0	Xuất sắc	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
388	B2308145	Hồ Thị Kim Quyên	23/08/2005	NN23X9A2	NN	53	3.55	96.7	Giỏi	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
389	B2401123	Nguyễn Hữu Thịnh	14/11/2006	NN2419A1	NN	40	3.67	80.3	Giỏi	Nông học	
390	B2401190	Trần Trường Phi	14/01/2006	NN2419A2	NN	40	3.95	92.3	Xuất sắc	Nông học	
391	B2403556	Phạm Vĩnh Phúc	09/12/2006	NN2467A1	NN	36	3.71	91.0	Xuất sắc	Thú y	
392	B2403652	Nguyễn Thanh Trúc	07/10/2006	NN2467A2	NN	36	3.71	94.3	Xuất sắc	Thú y	
393	B2403692	Trung Giám Minh	28/11/2006	NN2467A3	NN	37	3.82	97.0	Xuất sắc	Thú y	
394	B2403897	Hoàng Tuấn Anh	19/12/1998	NN2473A1	NN	41	3.81	96.0	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
395	B2404066	Nguyễn Thái Toàn	09/12/2006	NN2473A2	NN	41	3.74	90.0	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
396	B2404130	Mai Hoàng Nhã	09/02/2006	NN2473A3	NN	39	3.78	98.0	Xuất sắc	Bảo vệ thực vật	
397	B2406061	Lâm Thị Phương Thùy	26/06/2006	NN24S1A1	NN	39	3.58	94.3	Giỏi	Chăn nuôi	
398	B2406122	Nguyễn Như Quỳnh	04/03/2006	NN24S1A2	NN	36	3.61	88.0	Giỏi	Chăn nuôi	
399	B2410462	Đỗ Nguyễn Quế Tâm	30/03/2006	NN24S6A1	NN	37	3.88	96.0	Xuất sắc	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
400	B2409094	Nguyễn Thị Như Ý	18/05/2006	NN24V8A1	NN	40	3.76	96.3	Xuất sắc	Sinh học ứng dụng	
401	B2410400	Nguyễn Thị Cẩm Vân	09/12/2006	NN24X8A1	NN	38	3.77	92.3	Xuất sắc	Khoa học cây trồng	
402	B2410454	Lê Dương Hoàng Phúc	22/08/2006	NN24X8A2	NN	38	3.39	90.7	Giỏi	Khoa học cây trồng	
403	B2410519	Trương Thị Kiều Trang	02/10/2006	NN24X9A1	NN	39	3.41	90.3	Giỏi	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
404	B2107239	Nguyễn Ngọc Hân	17/10/2003	SP2101A1	SP	29	4.00	97.0	Xuất sắc	Sư phạm Toán học	
405	B2100192	Nguyễn Văn Thế	03/12/2003	SP2102A1	SP	28	4.00	92.0	Xuất sắc	Sư phạm Vật lý	
406	B2107544	Nguyễn Bạch Đồng	25/06/2003	SP2109A1	SP	28	3.91	94.5	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học	
407	B2100274	Lê Kim Ngân	21/09/2003	SP2110A1	SP	30	3.73	90.5	Xuất sắc	Sư phạm Sinh học	
408	B2100372	Trần Tuấn Tài	22/11/2003	SP2116A1	SP	28	3.88	96.0	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý	
409	B2106969	Nguyễn Hồng Nhớ	12/01/2003	SP2117A1	SP	29	3.97	90.0	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
410	B2100423	Tô Duy Khang	04/09/2003	SP2118A1	SP	31	3.94	92.0	Xuất sắc	Sư phạm Lịch sử	
411	B2100462	Nguyễn Hữu Duy	25/12/2003	SP21U8A1	SP	31	3.92	95.0	Xuất sắc	Sư phạm Tin học	
412	B2112818	Phan Ngọc Phụng	24/11/2003	SP21X3A1	SP	29	3.97	91.5	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
413	B2112851	Trần Thị Huyền My	23/06/2002	SP21X3A2	SP	29	4.00	94.5	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
414	B2200002	Nguyễn Thị Bình	19/11/2004	SP2201A1	SP	42	4.00	90.3	Xuất sắc	Sư phạm Toán học	
415	B2200037	Lê Hồ Nhật Huy	02/04/2004	SP2202A1	SP	44	3.95	98.3	Xuất sắc	Sư phạm Vật lý	
416	B2200285	Nguyễn Phương Duy	30/05/2003	SP2209A1	SP	44	4.00	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học	
417	B2200306	Trần Thị Ngọc Linh	19/09/2004	SP2210A1	SP	44	3.67	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Sinh học	
418	B2200603	Nguyễn Thành Sơn	16/07/2004	SP2216A1	SP	50	4.00	90.0	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý	
419	B2200638	Dương Khánh Vy	14/08/2003	SP2217A1	SP	47	3.79	93.7	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
420	B2200651	Phan Thị Ngọc Lan	16/05/2004	SP2217A2	SP	41	3.85	95.0	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
421	B2200687	Trần Minh Thực	17/10/2004	SP2218A1	SP	42	3.90	97.7	Xuất sắc	Sư phạm Lịch sử	
422	B2205352	Phùng Minh Khánh	12/01/2004	SP22U8A1	SP	50	3.86	91.7	Xuất sắc	Sư phạm Tin học	
423	B2206933	Nguyễn Thảo Duyên	09/11/2004	SP22X3A1	SP	44	3.88	100.0	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
424	B2206982	Lữ Thị Mỹ Liên	05/09/2004	SP22X3A2	SP	48	3.94	100.0	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
425	B2300004	Thái Đức Hưng	14/06/2005	SP2301A1	SP	57	4.00	95.7	Xuất sắc	Sư phạm Toán học	
426	B2300033	Võ Thành Công	26/12/2005	SP2302A1	SP	47	4.00	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Vật lý	
427	B2300306	Hồ Trần Phương Phi	27/11/2005	SP2309A1	SP	42	3.79	98.3	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học	
428	B2300321	Lê Tuyết Nghi	11/07/2005	SP2310A1	SP	49	3.83	95.0	Xuất sắc	Sư phạm Sinh học	
429	B2300725	Nguyễn Đào Gia Lạc	09/10/2005	SP2316A1	SP	47	3.77	94.7	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý	
430	B2300758	Võ Văn Nhân	08/05/2005	SP2317A1	SP	41	3.89	96.7	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
431	B2300787	Huỳnh Trung Hón	05/10/2005	SP2318A1	SP	48	3.88	95.0	Xuất sắc	Sư phạm Lịch sử	
432	B2305997	Lê Nguyễn Trọng Đức	08/10/2005	SP23U8A1	SP	51	3.95	92.3	Xuất sắc	Sư phạm Tin học	
433	B2307627	Nguyễn Trần Châu	24/10/2005	SP23X3A1	SP	42	3.88	99.3	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
434	B2307674	Huỳnh Vũ Duy	15/06/2005	SP23X3A2	SP	44	3.85	97.0	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
435	B2400007	Phùng Đại Danh	29/10/2006	SP2401A1	SP	45	3.92	94.7	Xuất sắc	Sư phạm Toán học	
436	B2400033	Huỳnh Ngọc Hiền	18/08/2006	SP2402A1	SP	39	3.86	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Vật lý	
437	B2400564	Võ Huỳnh Nam Kha	06/08/2006	SP2409A1	SP	39	3.83	99.7	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học	
438	B2400586	Nguyễn Gia Quyền	06/02/2006	SP2410A1	SP	39	3.81	95.3	Xuất sắc	Sư phạm Sinh học	
439	B2400959	Chiêm Hoàng Ngân Giang	06/11/2006	SP2416A1	SP	42	3.88	96.0	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý	
440	B2401013	Trần Võ Phương Nhi	20/09/2006	SP2417A1	SP	40	3.95	97.3	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn	
441	B2401049	Đinh Tuấn An	16/12/2006	SP2418A1	SP	41	3.76	100.0	Xuất sắc	Sư phạm Lịch sử	
442	B2405823	Nguyễn Thị Hoài Thu	23/09/2006	SP24E1A1	SP	38	3.73	97.0	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
443	B2405839	Bùi Thị Tuyết Thơ	20/08/2006	SP24E2A1	SP	41	3.68	97.3	Xuất sắc	Sư phạm Khoa học tự nhiên	
444	B2408089	Lê Hoàng Kiện	17/09/2006	SP24U8A1	SP	40	3.90	99.0	Xuất sắc	Sư phạm Tin học	
445	B2410001	Trần Khánh Duy	18/12/2006	SP24X3A1	SP	39	3.88	97.3	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
446	B2410057	Nguyễn Nhật Hoàng	15/11/2003	SP24X3A2	SP	38	3.81	96.0	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
447	B2112955	Nguyễn Khoa Điền	08/10/2003	TD21X6A1	SP	30	3.95	98.5	Xuất sắc	Giáo dục Thể chất	
448	B2207090	Lê Thị Ngọc Quý	29/08/2003	TD22X6A1	SP	44	3.86	95.0	Xuất sắc	Giáo dục Thể chất	
449	B2307782	Phạm Hồ Phi	01/07/2005	TD23X6A1	SP	47	3.79	100.0	Xuất sắc	Giáo dục Thể chất	
450	B2410144	Phan Hồng Anh	14/08/2006	TD24X6A1	SP	37	3.70	92.3	Xuất sắc	Giáo dục Thể chất	
451	B2103172	Nguyễn Thị Anh Thu	01/02/2003	TN2183A1	TN	29	3.67	97.0	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
452	B2103180	Huỳnh Thị Thúy Anh	06/09/2003	TN2183A2	TN	30	3.75	94.0	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
453	B2101925	Phạm Nguyễn Quốc Huy	02/02/2003	TN2184A1	TN	30	3.78	86.0	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy
454	B2103932	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	27/09/2003	TN21S3A1	TN	33	3.88	91.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ điện tử	
455	B2110296	Nguyễn Tấn Dũng	27/11/2003	TN21S3A2	TN	30	3.92	95.5	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ điện tử	
456	B2108924	Nguyễn Quốc Biển	24/03/2003	TN21S5A1	TN	29	3.86	96.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
457	B2109007	Trần Thanh Tùng	11/12/2003	TN21S5A2	TN	34	3.78	97.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
458	B2101937	Lê Tiến Sỹ	08/08/2003	TN21S5A3	TN	31	3.69	94.5	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
459	B2110341	Nguyễn Trường Phát	16/07/2003	TN21T1A1	TN	30	3.79	91.0	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
460	B2110465	Lê Quốc Toàn	25/06/2003	TN21T4A1	TN	32	3.94	95.3	Xuất sắc	Kỹ thuật vật liệu	
461	B2104312	Nguyễn Trung Vinh	28/10/2003	TN21T5A1	TN	35	3.84	91.7	Xuất sắc	Kỹ thuật điện	
462	B2110519	Thái Quang Trường Giang	07/06/2003	TN21T5A2	TN	44	3.84	94.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điện	
463	B2104408	Trần Phương Vy	30/10/2003	TN21T5F1	TN	39	3.38	94.7	Giỏi	Kỹ thuật điện (CLC)	
464	B2104407	Nguyễn Trần Thúy Vy	07/07/2003	TN21T5F2	TN	39	3.51	96.7	Giỏi	Kỹ thuật điện (CLC)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
465	B2104440	Trương Minh Nhân	13/12/2003	TN21T6A1	TN	35	3.73	91.7	Xuất sắc	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
466	B2104477	Nguyễn Tấn Đạt	19/02/2003	TN21T6A2	TN	34	3.71	91.7	Xuất sắc	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
467	B2104568	Trần Thị Kim Nghi	05/09/2003	TN21T7A1	TN	29	3.83	94.0	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	
468	B2110804	Lê Bảo Việt	20/03/2003	TN21T7A2	TN	30	3.82	87.5	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
469	B2104685	Nguyễn Quốc Cường	21/09/2003	TN21T7F1	TN	44	3.79	81.7	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng (CLC)	
470	B2110820	Nguyễn Phạm Ánh Dương	23/06/2003	TN21T7F2	TN	42	3.73	90.0	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng (CLC)	
471	B2110911	Châu Thúy Ngân	28/12/2003	TN21T8A1	TN	52	3.37	81.3	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
472	B2105351	Phạm Trần Kiều Hạnh	23/06/2003	TN21V6A1	TN	30	3.92	91.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
473	B2105483	Nguyễn Thị Quyền Trân	31/07/2003	TN21V6A2	TN	29	3.95	91.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
474	B2111763	Lý Thiên Ngân	02/09/2003	TN21V6F1	TN	37	3.87	97.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học (CLC)	
475	B2111746	Công Tường Duy	02/11/2003	TN21V6F2	TN	41	3.50	81.3	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học (CLC)	
476	B2113208	Phạm Quỳnh Trang	10/07/2003	TN21Y8A1	TN	32	3.86	90.5	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
477	B2113225	Võ Hoàng Linh	12/04/2003	TN21Y8A2	TN	29	3.97	98.5	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
478	B2106713	Nguyễn Minh Trí	27/06/2003	TN21Z5A1	TN	34	3.74	84.7	Giỏi	Kỹ thuật máy tính	
479	B2106729	Trương Tấn Đạt	09/06/2003	TN21Z5A2	TN	34	3.72	96.5	Xuất sắc	Kỹ thuật máy tính	
480	B2203129	Nguyễn Thị Thu Hiền	19/12/2004	TN2283A1	TN	51	3.74	96.3	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
481	B2203185	Nguyễn Hoàng Nhân	23/03/2004	TN2283A2	TN	50	3.52	87.3	Giỏi	Quản lý công nghiệp	
482	B2202121	Nguyễn Trần Tường Nguyên	30/06/2004	TN2284A1	TN	45	3.57	86.3	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy
483	B2203893	Đỗ Thị Ngọc Hân	01/08/2004	TN22D5A1	TN	46	3.79	97.3	Xuất sắc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
484	B2203954	Phan Khương Thành Quý	03/04/2004	TN22D5A2	TN	47	3.79	96.3	Xuất sắc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
485	B2204168	Nguyễn Quốc Huy	01/01/2004	TN22S3A1	TN	43	3.88	91.3	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ điện tử	
486	B2202042	Tăng Thị Kim Ngân	03/07/2004	TN22S5A1	TN	47	3.78	95.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
487	B2202140	Đào Nguyễn Minh Thư	29/07/2004	TN22S5A2	TN	50	3.73	91.7	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
488	B2204260	Lê Thị Huỳnh Như	27/08/2004	TN22T1A1	TN	54	3.52	80.7	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
489	B2204401	Phạm Huỳnh Như	22/12/2003	TN22T4A1	TN	51	3.86	88.3	Giỏi	Kỹ thuật vật liệu	
490	B2204478	Trương Đức Tín	30/01/2004	TN22T5A1	TN	40	3.79	98.3	Xuất sắc	Kỹ thuật điện	
491	B2204530	Nguyễn Minh Triều	25/10/2004	TN22T5F1	TN	49	3.38	86.0	Giỏi	Kỹ thuật điện (CLC)	
492	B2204561	Lư Trí Khang	04/06/2004	TN22T6A1	TN	45	3.54	88.0	Giỏi	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
493	B2204653	Đào Văn Ngon	29/07/2004	TN22T7A1	TN	51	3.75	93.0	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	
494	B2204702	Phan Văn Tài Em	13/06/2004	TN22T7A2	TN	47	3.76	94.0	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	
495	B2204767	Nguyễn Trí Cường	16/04/2004	TN22T7F1	TN	44	3.80	83.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng (CLC)	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
496	B2204818	Trần Lê Gia Tân	21/08/2004	TN22T7F2	TN	46	3.85	94.0	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng (CLC)	
497	B2204877	Lê Tấn Lộc	11/05/2004	TN22T8A1	TN	52	3.82	95.7	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
498	B2205706	Trần Gia Bảo	29/02/2004	TN22V6A1	TN	54	3.92	93.7	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
499	B2205807	Ngô Ngọc Nhật Vương	16/03/2004	TN22V6A2	TN	52	3.88	92.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
500	B2205818	Nguyễn Thị Thúy Hằng	25/01/2003	TN22V6F1	TN	50	3.58	94.7	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học (CLC)	
501	B2205829	Nguyễn Trần Ngọc Minh	30/11/2004	TN22V6F2	TN	57	3.55	92.7	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học (CLC)	
502	B2207426	Nguyễn Hải Sản	15/06/2004	TN22Y8A1	TN	46	3.78	97.3	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
503	B2207502	Võ Thị Anh Thư	06/09/2004	TN22Z5A1	TN	46	3.81	92.3	Xuất sắc	Kỹ thuật máy tính	
504	B2303459	Lê Vĩnh Tiến	17/08/2005	TN2383A1	TN	48	3.73	89.3	Giỏi	Quản lý công nghiệp	
505	B2303499	Nguyễn Ngọc Thảo	05/10/2005	TN2383A2	TN	50	3.63	97.3	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
506	B2302294	Ngô Bảo Diệp	29/05/2005	TN2384A1	TN	48	3.60	95.7	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy
507	B2304266	Lâm Tuấn Đạt	10/01/2005	TN23D5A1	TN	45	3.84	94.0	Xuất sắc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
508	B2304354	Nguyễn Thị Ngọc Tươi	08/04/2005	TN23D5A2	TN	45	3.77	98.7	Xuất sắc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
509	B2304614	Huỳnh Hải Bằng	21/12/2005	TN23S3A1	TN	42	3.43	91.7	Giỏi	Kỹ thuật cơ điện tử	
510	B2302244	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/06/2004	TN23S5A1	TN	53	3.67	95.7	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
511	B2302345	Phạm Duy Tân	16/08/2005	TN23S5A2	TN	43	3.76	91.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô
512	B2304712	Huỳnh Thanh Đức Phú	08/01/2005	TN23S7A1	TN	45	3.58	88.0	Giỏi	Kiến trúc	
513	B2305060	Lương Ngọc Băng Tâm	30/11/2004	TN23T4A1	TN	47	3.58	95.7	Giỏi	Kỹ thuật vật liệu	
514	B2305135	Lê Minh Nhật	11/10/2005	TN23T5A1	TN	46	3.66	100.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điện	
515	B2305193	Nguyễn Minh Thứ	09/12/2005	TN23T5F1	TN	45	3.40	81.0	Giỏi	Kỹ thuật điện (CLC)	
516	B2305247	Vưu Quang Nhân	16/01/2005	TN23T6A1	TN	46	3.60	93.3	Xuất sắc	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
517	B2305316	Nguyễn Huỳnh Mạnh	27/05/2005	TN23T7A1	TN	43	3.67	100.0	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	
518	B2305358	Nguyễn Như Bằng	23/02/2005	TN23T7A2	TN	51	3.64	93.7	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	
519	B2305491	Nguyễn Nguyên Thắng	18/09/2005	TN23T7F2	TN	45	3.26	92.7	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng (CLC)	
520	B2305555	Trần Đình Trọng	26/10/2005	TN23T8A1	TN	47	3.38	97.7	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	
521	B2306416	Phan Thị Trúc Vy	09/07/2005	TN23V6A1	TN	47	3.89	99.3	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
522	B2306428	Nguyễn Gia Huy	15/12/2005	TN23V6A2	TN	62	3.98	96.3	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
523	B2306483	Dương Chí Hường	28/02/2005	TN23V6F1	TN	47	3.77	95.7	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học (CLC)	
524	B2308180	Võ Đặng Đức Huy	28/05/2005	TN23Y8A1	TN	48	3.80	92.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
525	B2308246	Nguyễn Văn Hải	14/04/2005	TN23Y8F1	TN	42	3.83	90.7	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (CLC)	
526	B2308299	Trần Đình Khai	28/09/2005	TN23Z5A1	TN	44	3.83	87.0	Giỏi	Kỹ thuật máy tính	
527	B2404551	Trần Thị Phương Quyên	18/09/2006	TN2483A1	TN	40	3.66	87.3	Giỏi	Quản lý công nghiệp	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
528	B2404537	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	05/11/2006	TN2483A2	TN	39	3.60	95.0	Xuất sắc	Quản lý công nghiệp	
529	B2402931	Lý Minh Thuận	27/10/2006	TN2484A1	TN	41	3.73	95.0	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy
530	B2402968	Đào Gia Minh	20/12/2006	TN2484A2	TN	42	3.67	87.3	Giỏi	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí chế tạo máy
531	B2405168	Đoàn Văn Hiền	14/08/2006	TN24B1A1	TN	43	3.74	84.3	Giỏi	Kỹ thuật ô tô	
532	B2405267	Bùi Chánh Hồng Ngọc	24/10/2003	TN24B2A1	TN	42	3.79	95.7	Xuất sắc	Kỹ thuật y sinh	
533	B2405313	Đặng Phan Nhật Minh	14/11/2006	TN24B3A1	TN	43	3.92	93.7	Xuất sắc	Kỹ thuật máy tính	Thiết kế vi mạch bán dẫn
534	B2405369	Bùi Minh Quân	25/05/2006	TN24B3A2	TN	43	3.79	90.0	Xuất sắc	Kỹ thuật máy tính	Thiết kế vi mạch bán dẫn
535	B2405741	Lâm Thị Ngọc Thương	02/05/2006	TN24D5A1	TN	41	3.91	90.7	Xuất sắc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
536	B2405787	Trần Hạo Nhiên	14/11/2006	TN24D5A2	TN	41	3.87	91.3	Xuất sắc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
537	B2406254	Trần Quốc Cường	02/03/2006	TN24S3A1	TN	42	3.83	94.7	Xuất sắc	Kỹ thuật cơ điện tử	
538	B2406356	Võ Kiều Quyền Quyền	25/08/2006	TN24S7A1	TN	37	3.71	94.0	Xuất sắc	Kiến trúc	
539	B2406404	Nguyễn Hồ Hồng Phúc	07/02/2006	TN24S7A2	TN	37	3.68	86.0	Giỏi	Kiến trúc	
540	B2406681	Nguyễn Hoàng Phương Hoa	19/07/2006	TN24T1A1	TN	40	3.40	85.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
541	B2406699	Bùi Đại Lợi	01/08/2006	TN24T1A2	TN	38	3.66	90.7	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
542	B2406884	Nguyễn Khải Minh	24/05/2006	TN24T4A1	TN	40	3.74	98.0	Xuất sắc	Kỹ thuật vật liệu	
543	B2406941	Nguyễn Phước Nguyên	27/06/2006	TN24T5A1	TN	39	3.76	81.7	Giỏi	Kỹ thuật điện	
544	B2406966	Cao Thăng Bảo	18/06/2006	TN24T5A2	TN	40	3.59	80.0	Giỏi	Kỹ thuật điện	
545	B2407019	Nguyễn Trần Gia Bảo	17/08/2006	TN24T5F1	TN	41	3.80	93.7	Xuất sắc	Kỹ thuật điện (CLC)	
546	B2407082	Võ Gia Bảo	23/10/2006	TN24T6A1	TN	36	3.84	82.3	Giỏi	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
547	B2407147	Trần Quốc Toàn	13/02/2006	TN24T6A2	TN	39	3.78	94.3	Xuất sắc	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
548	B2407206	Võ Tuấn Thanh	01/08/2006	TN24T7A1	TN	44	3.78	81.3	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
549	B2407279	Trương Quang Tiến	14/05/2006	TN24T7A2	TN	41	3.65	90.0	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng	
550	B2407352	Danh Thanh Vàng	07/06/2006	TN24T7A3	TN	45	3.55	90.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng	
551	B2407377	Nguyễn Văn Lý Hải	06/04/2006	TN24T7F1	TN	41	3.46	89.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng (CLC)	
552	B2407421	Đỗ Hữu Tài	23/01/2006	TN24T7F2	TN	41	3.35	84.0	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng (CLC)	
553	B2407458	Thái Thị Huyền Anh	09/01/2006	TN24T8A1	TN	42	3.80	91.0	Xuất sắc	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
554	B2408645	Võ Tiến Sĩ	09/08/2006	TN24V6A1	TN	44	3.88	94.0	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
555	B2408687	Liêu Quốc Khiêm	01/01/2005	TN24V6A2	TN	39	3.95	92.7	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
556	B2405277	Phan Trang Thanh	21/07/2006	TN24V6F1	TN	39	3.64	84.3	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học (CLC)	
557	B2410568	Trương Phi Long	05/04/2006	TN24Y8A1	TN	39	3.96	93.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
558	B2410598	Đinh Kiến Trọng	01/10/2006	TN24Y8F1	TN	43	3.77	90.0	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (CLC)	
559	B2107670	Trần Thanh Sơn	18/06/2003	TS2113A1	TS	30	3.97	84.5	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
560	B2101010	Phan Chí Nhân	02/10/2003	TS2113A2	TS	27	3.37	84.0	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
561	B2101000	Huỳnh Mai	13/01/2003	TS2113A3	TS	27	3.85	85.0	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
562	B2109825	Ngô Lê Quốc Toàn	18/12/2003	TS2113T1	TS	42	3.60	88.3	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản (CTTT)	
563	B2102867	Mã Tuấn Thoại	17/08/2003	TS2176A1	TS	29	3.97	81.5	Giỏi	Bệnh học thủy sản	
564	B2103892	Võ Thị Kiều Trinh	16/02/2003	TS21S2A1	TS	30	3.90	80.0	Giỏi	Quản lý thủy sản	
565	B2110251	Huỳnh Như	14/12/2003	TS21S2A2	TS	33	3.83	95.0	Xuất sắc	Quản lý thủy sản	
566	B2200335	Lê Quốc Kiệt	14/07/2004	TS2213A1	TS	45	3.77	96.7	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
567	B2200397	Văn Tự Nguyễn	21/08/2003	TS2213A2	TS	48	3.83	92.3	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
568	B2200447	Trần Lâm Trúc Ngân	11/03/2004	TS2213A3	TS	49	3.85	98.3	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
569	B2200506	Nguyễn Thị Phương Oanh	13/04/2004	TS2213A4	TS	43	3.84	93.3	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
570	B2202856	Võ Quang Vinh	12/10/2004	TS2276A1	TS	37	3.81	92.0	Xuất sắc	Bệnh học thủy sản	
571	B2202880	Trần Bích Ngọc	06/02/2004	TS2276A2	TS	46	3.70	97.3	Xuất sắc	Bệnh học thủy sản	
572	B2203028	Lê Huy Thế	31/03/2004	TS2282A1	TS	45	3.80	93.0	Xuất sắc	Công nghệ chế biến thủy sản	
573	B2203079	Nguyễn Mỹ Mỹ	05/05/2004	TS2282A2	TS	47	3.93	92.7	Xuất sắc	Công nghệ chế biến thủy sản	
574	B2204099	Nguyễn Thị Tường Vi	07/10/2004	TS22S2A1	TS	39	3.87	92.0	Xuất sắc	Quản lý thủy sản	
575	B2204144	Trần Nguyễn Như Ý	04/06/2004	TS22S2A2	TS	44	3.95	92.0	Xuất sắc	Quản lý thủy sản	
576	B2300354	Đỗ Ngọc Dương Khang	27/05/2005	TS2313A1	TS	49	3.94	92.3	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
577	B2300485	Lê Thị Bích Trâm	15/02/2005	TS2313A2	TS	47	3.63	90.3	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
578	B2300557	Phan Thiên Thiên	27/12/2005	TS2313A3	TS	44	3.83	92.7	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
579	B2300603	Văn Quốc Kiệt	21/04/2005	TS2313A4	TS	46	3.53	89.7	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
580	B2300679	Nguyễn Xuân Mai	14/02/2005	TS2313T1	TS	52	3.51	88.3	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản (CTTT)	
581	B2303129	Đỗ Thị Thúy Quyền	21/11/2005	TS2376A1	TS	44	3.73	97.0	Xuất sắc	Bệnh học thủy sản	
582	B2303167	Đặng Thanh Phong	23/01/2005	TS2376A2	TS	42	3.68	95.3	Xuất sắc	Bệnh học thủy sản	
583	B2303326	Nguyễn Thị Phương Trinh	07/10/2005	TS2382A1	TS	50	3.87	93.0	Xuất sắc	Công nghệ chế biến thủy sản	
584	B2303379	Trần Kim Ngân	21/04/2005	TS2382A2	TS	49	3.76	98.0	Xuất sắc	Công nghệ chế biến thủy sản	
585	B2304507	Phạm Thị Diễm	23/01/2005	TS23S2A1	TS	47	3.57	91.3	Giỏi	Quản lý thủy sản	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
586	B2304565	Son Trung Hiếu	11/04/2005	TS23S2A2	TS	49	3.65	96.0	Xuất sắc	Quản lý thủy sản	
587	B2400627	Lê Tuấn Khôi	16/04/2006	TS2413A1	TS	39	3.51	87.0	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
588	B2400679	Nguyễn Quốc Ái	01/03/2005	TS2413A2	TS	44	3.67	90.3	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
589	B2400783	Nguyễn Hoàng Khánh	26/12/2005	TS2413A3	TS	45	3.83	81.0	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
590	B2400901	Nguyễn Lâm Khang Tính	22/10/2006	TS2413A4	TS	41	3.79	90.0	Xuất sắc	Nuôi trồng thủy sản	
591	B2400915	Lê Hoài Bảo	24/11/2006	TS2413T1	TS	44	3.82	82.0	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản (CTTT)	
592	B2404244	Huỳnh Minh Toàn	07/07/2006	TS2476A1	TS	40	3.67	90.0	Xuất sắc	Bệnh học thủy sản	
593	B2404420	Nguyễn Hiếu Nhân	10/05/2006	TS2482A2	TS	40	3.32	93.3	Giỏi	Công nghệ chế biến thủy sản	
594	B2404466	Nguyễn Thành Luân	15/08/2006	TS2482A3	TS	42	3.59	92.7	Giỏi	Công nghệ chế biến thủy sản	
595	B2406162	Nguyễn Hoài Linh	10/04/2006	TS24S2A1	TS	40	3.59	89.7	Giỏi	Quản lý thủy sản	
596	B2406227	Nguyễn Mộng Nghi	15/04/2005	TS24S2A2	TS	40	3.68	87.7	Giỏi	Quản lý thủy sản	
597	B2206805	Nguyễn Chánh Niệm	03/04/2004	HG22W8A1	XH	41	3.95	97.3	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
598	B2307474	Trang Hồng Duyên	26/06/2005	HG23W8A1	XH	46	3.88	94.7	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
599	B2405968	Phan Nguyễn Phương Anh	09/08/2006	HG24N2A1	XH	42	3.62	95.7	Xuất sắc	Du lịch	
600	B2111069	Trần Đỗ Thanh Thủy	04/12/2003	ML21U3A1	XH	51	3.71	82.5	Giỏi	Triết học	
601	B2105813	Nguyễn Toàn Thiện	12/11/2003	ML21V9A1	XH	30	3.95	100.0	Xuất sắc	Chính trị học	
602	B2100681	Trần Đặng Gia Thư	04/03/2003	ML21X4A1	XH	28	3.79	92.0	Xuất sắc	Giáo dục Công dân	
603	B2205046	Nguyễn Gia Huy	16/03/2003	ML22U3A1	XH	45	3.85	99.3	Xuất sắc	Triết học	
604	B2206110	Lê Uyển Nhi	04/10/2004	ML22V9A1	XH	47	3.84	98.7	Xuất sắc	Chính trị học	
605	B2207066	Huỳnh Thảo Vy	08/02/2003	ML22X4A1	XH	54	3.81	92.3	Xuất sắc	Giáo dục Công dân	
606	B2305680	Lê Phú Cường	15/06/2005	ML23U3A1	XH	39	3.49	93.7	Giỏi	Triết học	
607	B2306799	Nguyễn Hoàng Nhật Vy	29/11/2005	ML23V9A1	XH	47	3.93	100.0	Xuất sắc	Chính trị học	
608	B2307730	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	04/01/2005	ML23X4A1	XH	52	3.74	100.0	Xuất sắc	Giáo dục Công dân	
609	B2307739	Trần Thị Ngọc Trang	29/05/2005	ML23X4A1	XH	56	3.74	100.0	Xuất sắc	Giáo dục Công dân	
610	B2407734	Trần Hà My	05/10/2006	ML24U3A1	XH	39	3.75	97.0	Xuất sắc	Triết học	
611	B2407809	Phạm Ngọc Thảo Xuân	29/07/2006	ML24U3A2	XH	38	3.54	98.7	Giỏi	Triết học	
612	B2409125	Dương Nhật Quang	02/09/2006	ML24V9A1	XH	37	3.57	98.7	Giỏi	Chính trị học	
613	B2409152	Cao Quốc Đạt	01/04/2006	ML24V9A2	XH	36	3.50	98.7	Giỏi	Chính trị học	

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
614	B2410137	Hồ Minh Tiến	07/01/2006	ML24X4A1	XH	37	3.79	95.7	Xuất sắc	Giáo dục Công dân	
615	B2109718	Nguyễn Thị Cẩm Tú	20/08/2003	XH2180A1	XH	39	3.65	86.0	Giỏi	Thông tin - Thư viện	
616	B2111122	Nguyễn Hoàng Nhật Tân	18/03/2003	XH21U4A1	XH	33	3.77	86.5	Giỏi	Xã hội học	
617	B2106056	Trần Lê Thị Hoàng Anh	06/09/2003	XH21W7A2	XH	27	3.62	80.0	Giỏi	Văn học	
618	B2112561	Huỳnh Đặng Khánh Linh	13/02/2003	XH21W8A1	XH	39	4.00	99.5	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
619	B2112604	Nguyễn Ngọc Hương	03/06/2003	XH21W8A2	XH	32	3.63	92.5	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
620	B2202911	Lê Thị Ý Duy	29/04/2004	XH2280A1	XH	48	3.64	89.0	Giỏi	Thông tin - Thư viện	
621	B2205111	Đặng Thị Quế Phương	03/11/2004	XH22U4A1	XH	37	3.86	94.0	Xuất sắc	Xã hội học	
622	B2205163	Nguyễn Ngọc Minh Thư	24/05/2004	XH22U4A2	XH	38	3.85	92.3	Xuất sắc	Xã hội học	
623	B2206610	Trần Thái Kim Đan	05/04/2004	XH22W7A1	XH	41	3.90	94.0	Xuất sắc	Văn học	
624	B2206663	Nguyễn Thảo Nghi	24/08/2004	XH22W7A2	XH	52	3.87	90.3	Xuất sắc	Văn học	
625	B2206698	Lâm Như Huỳnh	12/05/2004	XH22W8A1	XH	40	3.97	94.0	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
626	B2206753	Cao Trung Nghĩa	03/09/2004	XH22W8A2	XH	41	3.98	97.3	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
627	B2303223	Huỳnh Kim Thiên Thanh	17/09/2004	XH2380A1	XH	51	3.72	100.0	Xuất sắc	Thông tin - Thư viện	
628	B2305751	Nguyễn Ngọc Trúc Phương	16/08/2005	XH23U4A1	XH	47	3.87	100.0	Xuất sắc	Xã hội học	
629	B2305779	Trần Thị Như Huỳnh	19/03/2005	XH23U4A2	XH	48	3.84	99.0	Xuất sắc	Xã hội học	
630	B2307299	Lý Thị Tuyết Hoa	20/08/2005	XH23W7A1	XH	49	3.86	97.7	Xuất sắc	Văn học	
631	B2307352	Huỳnh Khánh Ngọc	01/07/2005	XH23W7A2	XH	43	3.76	95.3	Xuất sắc	Văn học	
632	B2307385	Trần Thị Bích Huyền	02/02/2005	XH23W8A1	XH	49	3.92	94.3	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
633	B2307446	Nguyễn Quốc Nhiều	11/07/2005	XH23W8A2	XH	49	3.92	98.7	Xuất sắc	Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch

Stt	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Số TCDK	Điểm TB	Điểm TBRL	Xếp loại	Ngành	Chuyên ngành
634	B2404316	Trần Thị Thanh Thảo	05/09/2006	XH2480A1	XH	39	3.80	92.3	Xuất sắc	Thông tin - Thư viện	
635	B2405862	Trần Văn Đệ	10/03/2006	XH24N1A1	XH	38	3.76	96.7	Xuất sắc	Báo chí	
636	B2405963	Nguyễn Thị Kim Yên	19/12/2006	XH24N2A1	XH	43	3.88	97.0	Xuất sắc	Du lịch	
637	B2407846	Trần Đặng Minh Ngọc	20/03/2006	XH24U4A1	XH	42	3.85	98.3	Xuất sắc	Xã hội học	
638	B2409821	Nguyễn Vĩ Lộc	06/01/2006	XH24W7A1	XH	41	3.71	96.7	Xuất sắc	Văn học	

Danh sách có **638** sinh viên./.